UBND TỈNH ĐẮK LẮK **BAN CHỈ ĐẠO VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 121 /BC-BCĐCĐS	*Đắk Lắk, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

BÁO CÁO
Kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

Thực hiện Kế hoạch hoạt động của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2023 tại Kế hoạch số 10/KH-BCĐCĐS ngày 19/01/2023 của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2023 (sau đây gọi tắt là Ban chỉ đạo) và Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo về chuyển đổi số, Ban chỉ đạo về chuyển đổi số báo cáo kết quả triển khai chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Trong 6 tháng đầu năm, Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số đã tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo chỉ đạo của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố đã chủ động, kịp thời ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Kết quả
1	100% dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) toàn trình đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Đạt 100% kế hoạch.
2	100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật	Đạt 100% kế hoạch
3	50% hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được xử lý hoàn toàn trực tuyến	Đạt 20% kế hoạch
4	60% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	Đạt 30% kế hoạch
5	95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh; 75% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 40% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ	Đạt trên 95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh (vượt 5% kế hoạch);

TT	Chỉ tiêu	Kết quả
	hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	50% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 20% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
6	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Đạt 100% kế hoạch
7	70% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, đạt 40% kế hoạch; 50% CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số	Đạt 20% kế hoạch
8	50% cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số	Đạt 30% kế hoạch
9	30% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Đạt 10% kế hoạch
10	100% các cơ sở giáo dục được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn	Đạt 100% các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được tuyên truyền, phổ biến các văn bản thường xuyên
11	100% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành kế hoạch hành động nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVCTT	Đạt 5,6% kế hoạch
12	Phấn đấu trên 20% các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai trợ lý ảo phục vụ hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức và phụ vụ người dân	Đạt 8,8% kế hoạch
13	Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được	Đạt 101,9%, vượt kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Kết quả
	phép khác đạt từ 70%	
14	100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng	Đạt 75,5% kế hoạch
15	Tối thiểu 95% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ	Đạt 90% kế hoạch

2. Kết quả thực hiện từng lĩnh vực

a) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đã được thiết lập, thường xuyên duy trì và triển khai bằng nhiều hình thức như: Qua hệ thống thông tin cơ sở, các chuyên trang, chuyên mục về chuyển đổi số trên các cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương... Các nội dung đăng tải phong phú, đa dạng góp phần lan tỏa nhận thức chuyển đổi số, mang lại tác động tích cực đến Nhân dân.

- Thông qua công tác tuyên truyền giúp đội ngũ cán bộ, công chức nâng cao nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của việc thực hiện chuyển đổi số, thay đổi tác phong, lề lối làm việc, đưa ra những sáng kiến, cách làm hay trong thực thi nhiệm vụ qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Đối với người dân và doanh nghiệp công tác tuyên truyền có vai trò và ý nghĩa to lớn, hiệu quả của công tác tuyên truyền được thể hiện rõ nét qua việc DVCTT toàn trình và DVCTT một phần ngày càng được nhiều người dân và doanh nghiệp biết đến, thực hiện ngày càng nhiều; nắm bắt được quy trình giải quyết hồ sơ, TTHC, cơ chế chính sách đối với người dân và doanh nghiệp.

b) Hạ tầng số, nền tảng số

- Dịch vụ Internet băng thông rộng và truyền hình theo phương thức IPTV đã được đầu tư phát triển đến tận những xã vùng sâu, vùng xa. Hiện nay 100% UBND xã, phường, thị trấn và các khu vực đông dân cư có điều kiện giao thông thuận lợi đã có Internet băng thông rộng và từng bước chuyển dần sang cáp quang (FTTH).

- Tăng cường quản lý dịch vụ viễn thông, dùng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông chỉnh trang cáp. Các doanh nghiệp viễn thông tập trung thúc đẩy phát triển hạ tầng băng rộng cố định, di động, tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định tới hộ gia đình; dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học...; thúc đẩy chuyển đổi từ IPv4 sang IPv6. Mở rộng, nâng cao chất lượng vùng phủ sóng 4G trên phạm vi toàn tỉnh và triển khai phát sóng thử nghiệm 05 trạm phu phát sóng di động 5G (trên cơ sở hạ tầng có sẵn) tại thành phố Buôn Ma Thuột trong tháng 3/2023. Triển khai Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện, kiểm soát tốt tần số vô tuyến điện, sử dụng băng tần hiệu quả.

Triển khai truyền thanh thông minh góp phần nâng cao hiệu quả tuyên truyền phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Đã triển khai Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP) và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của quốc gia. Hiện tại đã kết nối LGSP với NGSP của một số hệ thống chuyên ngành của các bộ, ngành trung ương như: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp), Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính), Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông), Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và đang triển khai kết nối khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã sẵn sàng trên NGSP.

- Đã triển khai việc kết nối, tích hợp chữ ký số công cộng lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong việc nộp hồ sơ giải quyết TTHC đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện.

c) Dữ liệu số

- Các hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh gồm có: Hệ thống email công vụ của tỉnh, Hệ thống quản lý văn bản và Điều hành của tỉnh, Phần mềm Quản lý cán bộ công chức viên chức, Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Lắk, Cổng thông tin điện tử xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, Dịch vụ triển khai tại Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh, Cơ sở dữ liệu dùng chung. Một số phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được xây dựng và triển khai tại một số cơ quan như: Phần mềm kế toán của tất cả các sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố; Quản lý các đối tượng người có công của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Quản lý cấp phép lái xe, Quản lý phương tiện thủy nội địa của Sở Giao thông Vận tải; Quản lý hồ sơ thi tốt nghiệp trung học phổ thông của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế cho các cơ sở y tế trên toàn tỉnh; Quản lý hộ tịch của Sở Tư pháp....

- Thực hiện Chương trình cải cách TTHC, đang triển khai Xây dựng phân hệ kho tài liệu điện tử cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức gắn liền với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk; kết nối từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đắk Lắk tới cơ sở dữ liệu của bộ, ngành trung ương (cụ thể: Cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống Quản lý đất đai VBDLIS, Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách, Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam, Hệ thống đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến, Phần mềm Dịch vụ công liên thông

của Bộ Công an, Hệ thống iDesk, Hệ thống quản lý hộ tịch. Hệ thống Dịch vụ công của Bộ Giao thông vận tải).

d) Chính quyền số, đô thị thông minh

- Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được triển khai đảm bảo liên thông 4 cấp chính quyền. 100% các sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn đã ứng dụng Phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh vào công tác chỉ đạo, điều hành và gửi, nhận văn bản điện tử liên thông giữa các cơ quan trong tỉnh, liên thông với các bộ, ngành Trung ương qua trục liên thông văn bản quốc gia. Đến nay 100% các cơ quan Nhà nước các cấp của tỉnh đã thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử, tỷ lệ văn bản điện tử ký số đạt trên 96%. Ứng dụng chứng thư số, chữ ký số được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước của tỉnh, từ cấp tỉnh đến cấp xã. Đến thời điểm hiện tại, tỉnh đã phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ cấp phát 7.991 bộ Chứng thư số cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, trong đó 1.026 chứng thư số cho tổ chức, 6.963 chứng thư số cho cá nhân và 959 SIM PKI cho lãnh đạo của các sở, ban, ngành của tỉnh.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến hiện có 16 điểm cầu được duy trì hoạt động ổn định, trong đó, có 01 điểm cầu trung tâm đặt tại Văn phòng UBND tỉnh; 15 điểm cầu tại UBND các huyện,, thị xã, thành phố. Trong 6 tháng đầu năm 2023 có 41 cuộc họp với Trung ương (trong đó có 3 cuộc họp chuyển tiếp xuống các điểm cầu huyện), 4 cuộc họp nội tỉnh.

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được triển khai đồng bộ và kết nối với Hệ thống được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC được duy trì hoạt động ổn định. đến thời điểm hiện tại đã triển khai cung cấp được 1.598 dịch vụ công. Trong đó, DVCTT một phần: 936; DVCTT toàn trình: 662 (đạt 41,4%). Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng Dịch vụ công quốc gia; cung cấp, công khai 1.075 DVCTT một phần và toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (trong đó có 369 DVCTT một phần và 610 DVCTT toàn trình); thường xuyên kiểm tra, rà soát, hiệu chỉnh chức năng đồng bộ trạng thái giải quyết hồ sơ từ Cổng DVCTT của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Đã triển khai việc kết nối, tích hợp chữ ký số công cộng lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để phục vụ người dân và doanh nghiệp sử dụng chữ ký số trong việc nộp hồ sơ giải quyết TTHC đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện.

- Về thanh toán trực tuyến, Cổng Dịch vụ công của tỉnh đã kết nối với nền tảng thanh toán tập trung trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia từ ngày 15/7/2020, triển khai thanh toán trực tuyến cho các DVCTT mức độ 4 của tỉnh có phí, lệ phí. Tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/6/2023 có 3.482 giao dịch thanh toán

trực tuyến, với tổng số tiền là hơn 13 tỷ đồng; trong đó giao dịch thành công hơn 5 tỷ đồng, không thành công gần 8 tỷ đồng.

- Tổ chức thành công Lễ ra mắt các dịch vụ Giám sát, điều hành đô thị thông minh và giám sát an toàn thông tin của tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/3/2023. Các dịch vụ gồm: Giám sát an toàn thông tin mạng, hiệu quả hoạt động chính quyền, an ninh trật tự, an toàn giao thông; giám sát và điều hành chỉ tiêu kinh tế-xã hội, lĩnh vực dịch vụ công, y tế, giáo dục, du lịch, tài nguyên môi trường; giám sát, điều hành phản ánh hiện trường. Việc ra mắt, đưa vào hoạt động các dịch vụ nhằm hỗ trợ xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh, đảm bảo an toàn các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Các dịch vụ Giám sát hoạt động Y tế, Giám sát hoạt động Giáo dục, Giám sát Tài nguyên và Môi trường, Giám sát hoạt động du lịch: Thực hiện kết nối dữ liệu và đưa các thông tin liên quan chỉ đạo, điều hành đến lãnh đạo các Sở và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Đã triển khai Đề án ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

e) Phát triển Kinh tế số

- Kinh tế số tỉnh bước đầu đóng góp vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Đến ngày 15/6/2023, tỉnh Đắk Lắk có 1.678 sản phẩm trên sàn thương mại điện tử; có 42.923 giao dịch trên sàn thương mại điện tử, đứng thứ 05 toàn quốc; Số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số là 257.959 hộ, đạt 43%. Việc phát triển kinh tế số đã thay đổi hoàn toàn nhận thức, cách làm truyền thống của người dân, hộ gia đình về tiêu thụ sản phẩm trên không gian số, sàn thương mại điện tử, mở rộng không gian tiêu thụ sản phẩm từ bó hẹp trong địa bàn, trong huyện, trong tỉnh ra ngoại tỉnh, toàn quốc.

- Triển khai, đẩy mạnh chương trình OCOP đưa các sản phẩn nông nghiệp lên sàn giao dịch điện tử; xây dựng kế hoạch triển khai chương trình xây dựng mỗi xã một sản phẩm OCOP năm 2023.

- Tổ chức trưng bày sản phẩm OCOP tại lê hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 năm 2023 để quảng bá và giới thiệu đến người tiêu dùng và du khách.

g) Phát triển Xã hội số

- Các cơ sở giáo dục đã ứng dụng phần mềm quản lý trường vào dạy và học; các trạm y tế cấp xã đã triển khai ứng dụng quản lý thông tin y tế; xây dựng hệ thống khám chữa bệnh từ xa; lập hồ sơ sức khỏe điện tử… Trên địa bàn tỉnh có 188/188 điểm phục vụ của mạng bưu chính công cộng có kết nối Internet băng rộng cố định. Số lượng người từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác 1.954.846 người (*một người có nhiều tài khoản ở các ngân hàng khác nhau*), đạt tỷ lệ 139,5%

(1.954.846/1.399.044). Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử đạt 101,9% (1.954.846/1.918.440). Triển khai thanh toán chi phí dịch vụ y tế không dùng tiền mặt tại 14/21 các bệnh viện và Trung tâm Y tế tuyến huyện.

- Tiếp tục triển khai, nâng cấp phần mềm quản lý trường học trực tuyến đáp ứng quy định kỹ thuật về dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, kết nối trao đổi dữ liệu từ phần mềm quản lý trường học với cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; tăng cường sử dụng sổ điểm, học bạ điện tử. Bên cạnh đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai, tuyên truyền phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố triển khai thu học phí và các loại hình dịch vụ không dùng tiền mặt.

- Hiện nay, 100% các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế các huyện, thành phố đã triển khai thanh toán điện tử không dùng tiền mặt. Triển khai phần mềm Quản lý Y tế cơ sở tại 185/185 Trạm Y tế xã/phường/thị trấn, sử dụng chung 01 phần mềm VNPT-HIS. Hiện nay, 21 đơn vị đã được trang bị hệ thống hội chẩn, tư vấn khám, chữa bệnh từ xa. Triển khai Hệ thống quản lý về thông tin tiêm chủng Quốc gia (http://tiemchung.gov.vn) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, 15 Trung tâm Y tế huyện/thị xã/thành phố, 185 Trạm Y tế xã/phường/thị trấn và các điểm tiêm chủng dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai phần mềm "Bác sĩ cho mọi nhà" nhằm cải thiện tiếp cận dịch vụ y tế cho người dân và nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ tại các đơn vị y tế cơ sở. Kết quả đạt được như sau: Tổng số cơ sở khám chữa bệnh đăng ký tài khoản: 203; Tổng số cán bộ y tế được cấp tài khoản: 873; Tổng số tài khoản người dân: 312.157; Tổng số lịch hẹn khám trên hệ thống là: 1.244 (trong đó: đã khám 1.155; chờ khám: 75; Hủy: 14).

- UBND Thành phố: đã cung cấp đường dây nóng (1900868647) phản ánh về hạ tầng đô thị. Kết quả trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tiếp nhận 367 phản ánh (Tiếp nhận qua đường dây nóng 224 phản ánh; tiếp nhận qua nhóm zalo của Tổ điều hành đường dây nóng 55 phản ánh, tiếp nhận từ Trung tâm Giám sát điều hành đô thị thông minh tỉnh 88 phản ánh), đã xử lý 340 phản ánh, đang xử lý 27 phản ánh. Duy trì hệ thống wifi công cộng tại Quảng trường 10 tháng 3, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC Thành phố Buôn Ma Thuột để phục vụ người dân truy cập Internet giải quyết TTHC và vui chơi, giải trí.

h) Nhân lực số

- Hiện nay, mỗi sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố có ít nhất 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin (quản trị mạng), trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên.

- Đến tháng 6/2023, có 1.163 tổ cộng nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố với 7.228 thành viên. Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp đã tổ chức hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số phục vụ cho nhu cầu thiết yếu như y tế, giáo dục, chính sách xã hội, phòng chống dịch, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua các nền tảng số như: Phần mềm tập huấn

giáo viên, Sổ liên lạc điện tử, Phần mềm dạy học trực tuyến; Phần mềm tiêm chủng mở rộng; Thanh toán số; Hướng dẫn đăng ký cài đặt và sử dụng các tài khoản thanh toán điện tử, mô hình chợ 4.0 thanh toán số; sử dụng các ứng dụng chuyển đổi số; tham gia sàn thương mại điện tử... Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, liên quan tổ chức các lớp đào tạo tập huấn cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp. Tổng số lượt học viên tham gia các lớp tập huấn trên là 1.147 người.

i) An toàn thông tin mạng

- Ban chỉ đạo đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Cục An toàn thông tin, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam, Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin đối với các hệ thống thông tin mạng, các Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử trên địa bàn tỉnh.

- Đến tháng 6/2023 có 55/75 hệ thống thông tin cấp độ 2 đã phê duyệt cấp độ an toàn (đạt tỷ lệ 73,34%); 06/06 hệ thống thông tin cấp độ 3 đã phê duyệt cấp độ an toàn (đạt tỷ lệ 100%).

- Nhằm nâng cao nhận thức, cung cấp các kỹ năng và cái nhìn cụ thể về mối nguy hiểm của các kiểu tấn công nhắm đến người dùng không có nhận thức cao về an toàn thông tin để xâm nhập vào tổ chức đang công tác cũng như đánh cắp dữ liệu cá nhân; đồng thời, nâng cao kiến thức cần biết về sự cố thông tin, giới thiệu về các quy định cần tuân thủ khi vận hành hệ thống; ngày 25/4/2023, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp Đại học Quốc gia - Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức 02 lớp tập huấn an toàn thông tin cho người dùng cuối và cán bộ chuyên trách về Công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh (01 lớp về đào tạo nhận thức an toàn thông tin cho người dùng cuối; 01 lớp về chuyên đề an toàn thông tin cho quản trị viên).

k) Kết quả thực hiện nhiệm vụ các thành viên ban chỉ đạo tại Kế hoạch số 10/KH-BCĐCĐS: *(Chi tiết Phụ lục I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch số 10/KH-BCĐCĐS ngày 19/01/2023 của Ban chỉ đạo chuyển đổi số).*

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Thời gian qua, công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, qua đó đã đạt được một số kết quả quan trọng, tạo nền tảng để tổ chức triển khai thực hiện công cuộc chuyển đổi số của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Nhận thức của các cấp, các ngành và người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về chuyển đổi số được nâng lên rõ rệt. 15/15 huyện, thị xã, thành phố đã kiện toàn Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số. Toàn tỉnh đã thành lập 1.163 tổ cộng nghệ số cộng đồng tại các thôn, buôn, tổ dân phố với

7.228 thành viên, là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các cấp, đóng vai trò then chốt đưa công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân.

- UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã ban hành tương đối đầy đủ hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện chuyển đổi số và quan tâm bố trí kinh phí, nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số.

- Đến nay, đã hoàn thành 06/15 chỉ tiêu của mục tiêu đến năm 2025 đề ra tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

2. Một số hạn chế và nguyên nhân

a) Hạn chế

- Hạ tầng số, các nền tảng số chưa hoàn thiện, chưa đáp ứng nhu cầu đặt ra; các nền tảng số phục vụ giáo dục, đào tạo, chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội còn thiếu. Nhiều cơ sở dữ liệu triển khai còn chậm. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa hiệu quả.

- Chất lượng, hiệu quả trong cung cấp, sử dụng DVCTT còn hạn chế, chưa thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. An toàn, an ninh mạng nhiều nơi chưa được quan tâm đúng mức, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Việc đưa sản phẩm nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử mới được áp dụng với các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp và các hộ điển hình. Đối với đại đa số các hộ thì còn mới, việc tiếp cận công nghệ thông tin còn chậm. Ngoài ra, việc tiếp cận các nền tảng số tiên tiến hiện nay vẫn còn hạn chế do một số nền tảng muốn thực hiện được vẫn phải qua các đơn vị trung gian.

- Hạ tầng số ở một số thôn vùng sâu, vùng xa chưa được phủ sóng di động 3G/4G, người dân không sử dụng được điện thoại thông minh, do đó khó khăn trong việc triển khai các nền tảng số.

b) Nguyên nhân hạn chế

- Chuyển đổi số vẫn còn là vấn đề mới, nhận thức xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng về chuyển đổi số của một số cán bộ, công chức, viên chức, người dân về chuyển đổi số còn hạn chế. Lực lượng lao động được đào tạo còn chiếm tỷ lệ thấp, đặc biệt là nông dân và cán bộ quản lý hợp tác xã, chưa đáp ứng được các yêu cầu chuyển đổi số hiện nay.

- Nhiều thể chế mới chưa được ban hành kịp thời, chưa tạo hành lang pháp lý cho chuyển đổi số. Nguồn kinh phí để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số là rất lớn, tuy nhiên hiện nay nguồn kinh phí bố trí để thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

- Nguồn nhân lực số, năng lực số cho chuyển đổi số còn chưa đáp ứng được nhu cầu cả về số lượng, chất lượng. Trình độ sử dụng công nghệ thông tin,

chuyển đổi số của người dân còn hạn chế nên việc tiếp cận, cài đặt sử dụng các nền tảng số còn gặp nhiều khó khăn.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRIỂN KHAI TRONG 06 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm được phân công tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk, xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 243/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2023; đặc biệt lưu ý đối với 06 chỉ tiêu chưa hoàn thành tại Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (*Theo Báo cáo số 365-BC/TU ngày 09/5/2023 của Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU*).

2. Tập trung kết nối với các nền tảng dùng chung; khẩn trương xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và đẩy mạnh chia sẻ, kết nối dữ liệu với Trung tâm Giám sát điều hành, đô thị thông minh.

3. Rà soát, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu. Hoàn thành việc phân loại, xác định phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ **trước tháng 9/2023**.

4. Hoàn thành việc tái cấu trúc quy trình, cung cấp các DVCTT thiết yếu thuộc phạm vi trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo đúng tiến độ, chất lượng đã được Thủ tướng Chính phủ giao. Rà soát, hoàn thiện các DVCTT đã cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo hướng thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp, bảo đảm nguyên tắc lấy người dùng là trung tâm.

5. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đẩy mạnh công tác tuyên tuyền nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị của địa phương về chuyển đổi số bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể, như tuyên truyền trên báo, đài, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, mạng xã hội, qua tin nhắn đến các số điện thoại di động...

6. Bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. Bảo đảm an toàn, bảo mật trong trao đổi dữ liệu điện tử trên môi trường mạng. Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số trong các cơ quan nhà nước.

7. Đẩy mạnh thương mại điện tử, thanh toán các dịch vụ, chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ an sinh xã hội không dùng tiền mặt, xác thực tài khoản ngân hàng.

8. Các thành viên Ban chỉ đạo bám sát nội dung Kế hoạch số 10/KH-BCĐCĐS để triển khai hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:

- Sớm có hướng dẫn cho địa phương về cách tính đối với các chỉ số: Kinh tế số chiếm bao nhiêu % trong GRDP; Giá trị tăng thêm của kinh tế số; Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực.

- Quan tâm hỗ trợ tỉnh Đắk Lắk trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Nền tảng số của địa phương với cơ sở dữ liệu của các cơ quan trung ương có liên quan.

2. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương:

- Sớm ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và Danh mục danh mục dữ liệu mở để địa phương vận dụng triển khai đảm bảo tính đồng bộ.

- Sớm ban hành, sửa đổi hành lang pháp lý liên quan đến quản lý kinh phí chi đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cho phù hợp với thực tiễn.

Trên đây là Báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Chuyển đổi số 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023, Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk báo cáo Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số, Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên BCĐ CĐS tỉnh (các QĐ số: 3331/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 và 1141/QĐ-UBND ngày 19/05/2022 của UBND tỉnh);
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Đắk Lắk, Viettel Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các thành viên Tổ giúp việc BCĐ (các QĐ số: 177/QĐ-BCĐCĐS ngày 09/12/2021 và 69/QĐBCĐCĐS ngày 03/6/2022 của BCĐCĐS);
- Các phòng, TT: KSTTHC, TTCN & Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX(Nh-10b).

TRƯỞNG BAN

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Nguyễn Tuấn Hà